

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~5267~~/BTC-KTN

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2026

V/v xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

Kính gửi:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Liên đoàn công nghiệp và Thương mại Việt Nam;
- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Bộ Tài chính dự thảo Nghị định quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

Đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia bằng văn bản đối với dự thảo Nghị định nêu trên; trường hợp Quý cơ quan đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung của Nghị định có tác động đến ngân sách nhà nước, đề nghị đánh giá tác động về ngân sách và gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 05 tháng 5 năm 2026**.

Xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng Website);
- Văn phòng Bộ (để đtgd về TTHC);
- Các đơn vị: CNTT, NIC, CST, QLĐT, DNNN, DNTN, QLCS, QLG, PC, PHTH, NSNN, ĐCTC (để tgyk);
- Lưu: VT, KTN (bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Chủ trương của Đảng và Nhà nước về chính sách đối với giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, đối với doanh nghiệp, đặc biệt là việc tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đào tạo nhân lực chất lượng cao đã được khẳng định nhất quán trong các văn bản quan trọng.

- Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã nêu: “*Tiếp tục phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, gắn với thị trường lao động, chú trọng cả số lượng, cơ cấu, chất lượng đào tạo, quan tâm công tác đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động để thích ứng với sự thay đổi của nhu cầu thị trường và công nghệ sản xuất*”.

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo nêu rõ: “*Giáo dục nghề nghiệp giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng lao động kỹ năng cao; Phân cấp mạnh quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chính quyền địa phương.*”, “*Có chính sách thu hút chuyên gia, người lao động tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Có cơ chế thành lập quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng*”.

cho lực lượng lao động”; đồng thời, các giải pháp gồm: “Xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo”; “Có chính sách khuyến khích, huy động các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tham gia bồi dưỡng, đào tạo giáo viên, người học về năng lực số, trí tuệ nhân tạo”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu: “Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân có nêu: “Tập trung các nguồn lực phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, ngành nghề trọng điểm. Khuyến khích phát triển các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, nhân rộng, chuyển giao các chương trình đào tạo tiên tiến phục vụ phát triển kinh tế tư nhân. Hỗ trợ, khuyến khích hình thức đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và thu hút doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào đào tạo nhân lực. Chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp khuyến khích các địa phương sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình để hỗ trợ chủ động các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực phù hợp định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương”.

Luật GDNN số 124/2025/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 10 tháng 12 năm 2025 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật về GDNN tại Việt Nam. Luật mới được xây dựng trên tinh thần tiếp cận hiện đại, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nhân lực, gắn với thực tiễn, trong đó nhấn mạnh vai trò tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo, quy định về doanh nghiệp lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Về chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động là một vấn đề trọng tâm mà các cơ sở giáo dục và đào tạo đặc biệt chú trọng. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được xem là yếu tố then chốt và cấp bách trong lĩnh vực giáo dục. Hệ thống GDNN đóng vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế và xã hội, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng đòi hỏi cao về năng lực cạnh tranh. Trong điều kiện khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển mạnh mẽ, là mục tiêu chiến lược để phát triển kinh tế xã hội nước ta giai đoạn tới, việc ban hành chính sách của nhà nước khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động GDNN thực hiện các hoạt động

khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kịp thời tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu để động viên, khuyến khích doanh nghiệp và hỗ trợ đào tạo cho doanh nghiệp trong trường hợp ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa là rất cấp bách.

2.2. Về Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

Theo báo cáo Tổng kết thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp, bối cảnh quốc tế và trong nước đang có nhiều thay đổi lớn, tác động mạnh mẽ tới giáo dục, đào tạo nói chung và giáo dục nghề nghiệp nói riêng. Công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, chuyên đổi xanh và toàn cầu hóa đang làm thay đổi cơ cấu ngành nghề, yêu cầu về năng lực của lực lượng lao động, đồng thời thúc đẩy các mô hình giáo dục, phương thức đào tạo mới.

Yêu cầu phát triển kinh tế với mức tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tới đặt ra nhu cầu cấp bách về nâng cao năng suất lao động. Mặc dù đất nước đang trong giai đoạn "dân số vàng", với lực lượng lao động trẻ, dồi dào nhưng song song với đó là xu hướng già hóa dân số diễn ra nhanh. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp, hệ thống giáo dục nghề nghiệp phải linh hoạt, không chỉ đào tạo lực lượng mới mà còn đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho người lao động trung niên - cao tuổi, đảm bảo thích ứng dài hạn với thị trường lao động. Bên cạnh các chính sách Nhà nước hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp¹, các doanh nghiệp cần chủ động, chú trọng, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động của mình tại doanh nghiệp hoặc hợp tác, phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp dần quan tâm đến công tác đào tạo, đào tạo lại cho người lao động để đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh, nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, sử dụng nhiều lao động: công nghiệp chế biến, chế tạo (7,6 triệu lao động); dệt may, da giày (3,0 triệu lao động), điện tử và thiết bị điện (1,1 triệu lao động); sản phẩm từ kim loại và khoáng phi kim loại (774 nghìn lao động); sản xuất, chế biến thực phẩm (563 nghìn lao động)²... Các hình thức phổ biến là đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn cơ bản cho công nhân, cán bộ kỹ thuật hoặc đào tạo chuyên sâu cho cán bộ cấp quản lý; đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn hoặc dài hạn; tự tổ chức đào tạo tại nơi sản xuất của doanh nghiệp hoặc gửi đi đào tạo, bồi dưỡng ở các cơ sở giáo dục bên ngoài; đào tạo trực tuyến hoặc trực tiếp...

Thực tiễn cho thấy, doanh nghiệp siêu nhỏ (dưới 10 lao động) ít quan tâm đến đào tạo, doanh nghiệp nhỏ hầu như không có quy trình đào tạo chính thức; doanh nghiệp vừa và lớn mới xây dựng quy chế, quy trình đào tạo nhân lực, gắn với đánh giá, xếp loại chất lượng lao động. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng, lập kế hoạch cùng với kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của

¹ Luật Giáo dục nghề nghiệp khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, các tổ chức vào công tác đào tạo. Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp cũng đề cập đến việc gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động. Luật Thuế cũng có quy định các chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp khi tham gia vào quá trình đào tạo. Những phân doanh nghiệp bỏ ra để đào tạo nghề thì được miễn vào thuế thu nhập của doanh nghiệp. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng có chính sách hỗ trợ về khởi nghiệp, đào tạo kỹ năng cho người lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trách nhiệm của người sử dụng lao động đã được quy định rõ...".

² Số liệu năm 2023 theo Sách trắng Doanh nghiệp năm 2025

doanh nghiệp³. Bộ phận nhân sự, các phòng ban chức năng của doanh nghiệp chủ trì tổng hợp nhu cầu người lao động, căn cứ số lượng, định mức chi cho đào tạo, xây dựng kế hoạch, dự toán hàng năm phù hợp với định mức chi (nếu có), trình cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phê duyệt trước khi triển khai. Kinh phí cho đào tạo nhân lực của doanh nghiệp có sự khác nhau tùy thuộc vào lĩnh vực, ngành nghề, số lượng lao động, tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính hằng năm của doanh nghiệp.

Qua rà soát pháp luật Việt Nam và các nước trên thế giới chưa có quy định bắt buộc doanh nghiệp phải trích một mức kinh phí tối thiểu cho hoạt động giáo dục, đào tạo cho người lao động, chủ yếu dựa trên nhu cầu của doanh nghiệp. Hiện nay, khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động của doanh nghiệp được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp giúp khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động. Tuy nhiên, để thúc đẩy doanh nghiệp quan tâm hơn nữa việc hỗ trợ đào tạo lại, đào tạo theo đúng tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW, Luật Giáo dục nghề nghiệp quy định doanh nghiệp được phép thành lập một Quỹ riêng cho hoạt động đào tạo nhân lực trong doanh nghiệp. Việc trích lập Quỹ đào tạo nhân lực doanh nghiệp hằng năm sẽ giúp doanh nghiệp có một nguồn kinh phí ổn định, lâu dài dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng được thường xuyên, liên tục.

2.3. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết.

Như vậy, việc ban hành Nghị định cùng thời điểm có hiệu lực với Luật GDNN (Điều 32, Điều 35 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026), đảm bảo Luật được triển khai thống nhất, hiệu quả trong thực tiễn. Hơn nữa, việc hướng dẫn chi tiết tại Nghị định sẽ tạo hành lang pháp lý để các doanh nghiệp phối hợp đào tạo với các cơ sở GDNN; kịp thời ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào thực tế, tạo thêm cơ hội cho người dạy và người học.

Với các nội dung trên, việc ban hành Nghị định quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Quy định cụ thể về các chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết (theo khoản 4 Điều 32 của Luật Giáo dục nghề nghiệp).

³ Theo thông tin hợp trao đổi với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam ngày 9-10/4/2026

- Quy định cụ thể về Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết (theo khoản 2 Điều 35 của Luật Giáo dục nghề nghiệp).

- Tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất trong triển khai thực hiện.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Tuân thủ Hiến pháp, đảm bảo sự phù hợp với quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp nói riêng.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về thuế, các pháp luật khác có liên quan, đáp ứng tình hình thực tiễn.

- Tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đào tạo, bồi dưỡng người lao động phù hợp nhu cầu và khả năng cần đối nguồn lực của doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh dựa trên trình độ, chất lượng nguồn nhân lực.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định theo các quy định tại Điều 45 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Điều 27, Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025. Cụ thể:

1. Ngày 13/02/2026, Bộ Tài chính có công văn số 2005/BTC-KTN gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất cụ thể nội dung dự thảo Nghị định. Bộ Giáo dục và Đào tạo có công văn số 1445/BGDĐT-GDNNGD TX ngày 27 tháng 3 năm 2026 đề xuất nội dung.

2. Ngày , Bộ Tài chính đã có công văn số gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định.

3. Ngày , Bộ Tài chính đã có Tờ trình số trình Chính phủ ban hành Nghị định kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Về phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp. Đối với các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh: Được áp dụng chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định riêng của Chính phủ để tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp với đặc thù về quốc phòng, an ninh.

b) Về đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ

của nhà nước về giáo dục nghề nghiệp cho doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Nghị định gồm 04 Chương, 13 Điều, cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 2) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Chương II. Chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp (từ Điều 3 đến Điều 6) quy định cụ thể các nội dung chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp

Chương III. Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (Điều 7).

Chương IV. Điều khoản thi hành (từ Điều 8 đến Điều 13) quy định trách nhiệm tổ chức thi hành của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan và hiệu lực thi hành của Nghị định.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1. Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

3.1.1. Về chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp

3.1.1.1. Về quy định khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề (khoản 1 Điều 32 Luật Giáo dục nghề nghiệp)

- Để xây dựng chương trình đào tạo có sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành được thực hiện một cách thường xuyên và khoa học, việc phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp là yếu tố then chốt để bảo đảm danh mục ngành, nghề đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo được kịp thời cập nhật, đáp ứng yêu cầu thực tế từ doanh nghiệp. Theo đó, người lao động được đào tạo bài bản và khoa học trong suốt thời gian học tập tại trường, họ sẽ có năng lực nghề nghiệp vững và kỹ năng hoạt động chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và sự tiến bộ của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo hiện nay.

Việc doanh nghiệp tham gia xây dựng danh mục ngành, nghề đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo nghề nghiệp đã được quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp năm 2014. Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, được quy định tại Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong điều kiện khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định là đột phá chiến lược, đóng vai trò then chốt trong việc đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, tăng cường vị thế trong kỷ nguyên mới, việc hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp là tất yếu để đáp ứng nhu cầu

của thị trường lao động.

- Để người học có nhiều cơ hội tiếp cận thực tiễn sản xuất tại các doanh nghiệp, từ đó nâng cao kỹ năng nghề và tăng khả năng tìm kiếm việc làm, việc tiếp nhận nhà giáo, học sinh, sinh viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến tham quan, thực hành, thực tập nâng cao kỹ năng nghề tại doanh nghiệp hoặc cập nhật, tiếp cận công nghệ mới là rất cần thiết, đồng thời, nội dung này đã được quy định tại khoản 5 Điều 43 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. Bên cạnh đó, việc đào tạo về chuyên gia bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới của doanh nghiệp đã được quy định khoản 6 Điều 57 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

- Để triển khai thực hiện các hoạt động phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, thị trường lao động, theo quy định tại Điều 57 hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, Điều 58 khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo, Điều 59 hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP là nội dung cần thiết để khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Để khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, các chính sách ưu đãi thuế, đất đai, đấu thầu, tín dụng của doanh nghiệp đã được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 34 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Theo đó, khi doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ được hưởng các ưu đãi đó.

- Luật Đổi mới sáng tạo năm 2025 được ban hành đã tạo ra một hành lang pháp lý toàn diện nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế dựa trên trí thức và sáng tạo; khuyến khích doanh nghiệp phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập năng lực số cơ bản cho học sinh, sinh viên, người lao động; đào tạo, hướng dẫn chuyên đổi nghề nghiệp, nâng cao năng lực số phù hợp nhu cầu thị trường.

3.1.1.2. Về quy định tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu (khoản 2 Điều 32 Luật Giáo dục nghề nghiệp)

- Doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề được xét tôn vinh, khen thưởng. Doanh nghiệp hằng năm có trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp và sử dụng tối thiểu hết 70% quỹ hằng năm cho hoạt động giáo dục, đào tạo là một tiêu chí được Nhà nước xem xét tôn vinh, khen thưởng.

- Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn đã quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét khen thưởng, nguyên tắc khen thưởng, vì vậy, việc khen thưởng doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu đề nghị thực hiện theo pháp luật về thi đua khen thưởng.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý nhà nước đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Vì vậy, hình thức, tiêu chí, tiêu chuẩn doanh nghiệp được tôn vinh, khen thưởng do Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quy định.

3.1.1.2. Về quy định hỗ trợ kinh phí đào tạo cho doanh nghiệp trong trường hợp ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa

- Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo và danh mục ngành, nghề ở trình độ giáo dục nghề nghiệp; quy định các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật giáo dục nghề nghiệp theo điểm e khoản 3 Điều 2 Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quy định về danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa. Căn cứ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương quy định danh mục ngành nghề được hưởng hỗ trợ phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thị trường lao động của địa phương mình.

- Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, để khuyến khích các địa phương sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình để hỗ trợ chủ động các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực phù hợp định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương, dự thảo Nghị định quy định doanh nghiệp trên địa bàn xã lập danh sách người lao động đã ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp kèm nhu cầu ngành nghề đào tạo gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đào tạo với cơ sở đào tạo để đào tạo người lao động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, để quản lý chặt chẽ việc sử dụng kinh phí nhà nước hỗ trợ, dự thảo Nghị định quy định hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp qua các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có hợp tác với doanh nghiệp có sự quản lý của địa phương do địa phương quy định nhu cầu đào tạo, sử dụng nguồn ngân sách địa phương, kinh phí đào tạo do địa phương quản lý sẽ bảo đảm kinh phí ngân sách địa phương được sử dụng tiết kiệm và hiệu quả; việc đào tạo phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thị trường lao động của từng địa phương.

Quy định hỗ trợ kinh phí đào tạo căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Trường hợp người lao động đã được hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo nhưng không làm việc tại doanh nghiệp thì phải bồi hoàn kinh phí.

3.1.2. Về Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

Căn cứ khoản 2 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15, Nghị định này quy định chi tiết về Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (do doanh nghiệp quản lý, sử dụng, không phải là quỹ ngoài doanh nghiệp) bao gồm: đối tượng, nguồn trích lập, mức trích lập, nhiệm vụ chi của quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp. Cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu, rà soát các quy định pháp luật, lấy ý kiến một số đơn vị thuộc Bộ Tài chính, các hiệp hội, tập đoàn, công ty để đánh giá, lựa chọn các phương án, bảo đảm việc xây dựng nội dung hướng dẫn về Quỹ bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật và tính khả thi khi triển khai thực hiện, cụ thể:

a) Về đảm bảo tính thống nhất, hợp pháp quy định hiện hành

- Để khuyến khích doanh nghiệp trích lập Quỹ, có ý kiến cho rằng Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp phải được trích lập trước thuế, các khoản chi được tính vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy định này sẽ không phù hợp với Luật Thuế TNDN hiện hành và thẩm quyền quy định tại Nghị định⁸; không phù hợp với kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 5035/TB-TTKQH ngày 20/3/2025⁹ và Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống Thuế đến năm 2030¹⁰. Do đó, không có căn cứ thực hiện trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp trước khi tính thuế. Trường hợp trích lập trước thuế thì phải điều chỉnh, bổ sung, quy định tại Luật Thuế TNDN.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp, nội dung, nhiệm vụ chi của Quỹ bao gồm *Đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động của doanh nghiệp; hỗ trợ người lao động của doanh nghiệp học tập, nâng cao trình độ chuyên môn; tài trợ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp có hợp tác với doanh nghiệp*. Các nội dung chi này cũng đã được quy định đầy đủ tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, điểm c, đ1 khoản 2 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo các quy định nêu trên, doanh nghiệp được lựa chọn việc chi đào tạo, bồi dưỡng từ chi phí trực tiếp của doanh nghiệp được trừ thuế theo Luật Thuế TNDN hoặc từ Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp theo khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp. Như vậy, nếu quy định bắt buộc doanh nghiệp phải

⁸ - Việc trích lập Quỹ của doanh nghiệp không phải là khoản chi thực tế phát sinh, do đó không phải là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế TNDN.

- Theo quy định của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15, hiện hành chỉ quy định Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (tại Điều 17) được trích 20% thu thập tính thuế hàng năm để trích lập Quỹ. Đối với các loại Quỹ khác (như quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi...), thực hiện trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Tại khoản 2 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp chỉ quy định về việc doanh nghiệp lập quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp, không quy định về việc trích lập Quỹ từ thu nhập trước thuế hay sau thuế. Do đó, nếu dự thảo Nghị định quy định về trích lập Quỹ thì về việc xác định chi phí khi tính thuế TNDN phải phù hợp với quy định của Luật Thuế TNDN.

⁹ “Về các quy định ưu đãi thuế, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất nguyên tắc ưu đãi thuế cần được quy định trong văn bản pháp luật về thuế; không lồng ghép các chính sách ưu đãi thuế trong luật chuyên ngành để đảm bảo tính tổng thể, nhất quán của hệ thống pháp luật”

¹⁰ “Các chính sách thuế, phí và lệ phí (gọi chung là thuế) chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan.”

thành lập Quỹ hoặc bắt buộc doanh nghiệp phải chi các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng từ 01 nguồn duy nhất từ Quỹ sẽ không đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Ý kiến này cũng được hầu hết các doanh nghiệp đồng thuận khi tham vấn ý kiến.

Ngoài ra, Luật Doanh nghiệp quy định quyền của doanh nghiệp được tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm; tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn. Nhà nước tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp. Do vậy, đối với doanh nghiệp khu vực tư nhân, ngoại trừ kinh doanh lĩnh vực đặc thù như tài chính, bảo hiểm, kinh doanh xăng dầu..., có quy định bắt buộc trích lập quỹ, khoản dự phòng thì luật không quy định bắt buộc trích lập quỹ. Đối với doanh nghiệp nhà nước, việc trích lập quỹ trước thuế thực hiện theo quy định tương tự doanh nghiệp khu vực tư nhân, tuy nhiên việc trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế phải được quy định tại Nghị định của Chính phủ theo quy định tại Điều 25 Luật số 68/2025/QH15¹¹.

Căn cứ các nội dung trên, Quỹ đào tạo phát triển nhân lực của doanh nghiệp nên quy định theo hướng: doanh nghiệp được quyền lựa chọn việc thành lập/trích lập Quỹ, được quyền lựa chọn chi hoạt động đào tạo từ chi phí trực tiếp của doanh nghiệp được trừ thuế theo Luật Thuế TNDN hoặc chi từ Quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Quỹ sẽ có chức năng chính là dự phòng cho các hoạt động giáo dục, đào tạo của doanh nghiệp, bảo đảm tính thường xuyên, liên tục. Quy định này cũng không làm ảnh hưởng đến các khoản chi cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động do doanh nghiệp thực hiện theo pháp luật về thuế TNDN.

b) Về xác định mức trích lập Quỹ

11 Điều 25 Luật số 68/2025/QH15 quy định về phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau: "1. Lợi nhuận sau thuế sau khi chia lãi cho các thành viên góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có) và sau khi bù đắp lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thì được sử dụng để xử lý các chi phí sau đây:

a) Chi phí được xử lý từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo quy định của các luật có liên quan;
b) Chi phí khảo sát, thăm dò khoáng sản cho mục đích đầu tư nhưng không đủ điều kiện triển khai dự án theo quy định của Chính phủ; chi phí đầu tư thất bại tại các dự án đầu tư, khoản đầu tư có tính đặc thù, rủi ro cao theo quy định của Chính phủ;

c) Chi phí thực hiện nhiệm vụ chính trị do cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định của Chính phủ.

2. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối theo nguyên tắc:

a) Trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bổ sung vốn điều lệ.

Đối với các tổ chức tín dụng, trích không quá 50% vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ Đầu tư phát triển theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.

Riêng các doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, trường hợp không đủ nguồn từ lợi nhuận sau thuế thì được Nhà nước hỗ trợ để trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa không quá 02 tháng lương thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp;

c) Trích lập các quỹ theo quy định của các luật có liên quan;

d) Doanh nghiệp nộp phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định của Chính phủ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này."

Dự thảo Nghị định quy định nội dung về Quỹ theo nguyên tắc mở, tôn trọng quyền tự chủ, tự quyết của doanh nghiệp về việc thành lập, mức trích lập Quỹ, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của pháp luật.

Tuy nhiên, đối với doanh nghiệp nhà nước¹², Nghị định quy định mức trích lập tối đa cụ thể để bảo đảm: (i) Phù hợp thẩm quyền được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; (iv) Không ảnh hưởng lớn tới thu ngân sách nhà nước từ nguồn lợi nhuận của doanh nghiệp nhà nước sau trích lập các quỹ theo quy định; (iii) Phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Đảng và Nhà nước khuyến khích giáo dục, đào tạo, cho phép doanh nghiệp trích Quỹ để sử dụng vào mục đích đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp.

Theo phương án này, dự thảo Nghị định quy định doanh nghiệp được chi hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp các khoản chi trực tiếp hoặc từ Quỹ. Quỹ được hình thành có chức năng “dự phòng”, là một khoản “bổ sung” cho các hoạt động giáo dục, đào tạo của doanh nghiệp, do vậy, cần cân đối tỷ lệ trích lập Quỹ đối với doanh nghiệp nhà nước đảm bảo không ảnh hưởng lớn đến thu ngân sách nhà nước.

Theo kinh nghiệm quốc tế¹³ và khảo sát một số doanh nghiệp nhà nước, chi phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng hàng năm khoảng 1-4% quỹ lương, tương đương 1,2-6% lợi nhuận¹⁴. Do vậy, dự thảo Nghị định đề xuất quy định mức trích lập Quỹ hàng năm đối với doanh nghiệp nhà nước là **01% lợi nhuận sau thuế**, tương đương khoảng 50% tổng chi phí đào tạo, bồi dưỡng của doanh nghiệp¹⁵. Việc tính trên lợi nhuận sau thuế cũng giúp doanh nghiệp dễ hạch toán, đảm bảo sự đồng bộ về phương pháp tính với các quỹ khác như quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp nhà nước được quy định tại pháp luật quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

c) Về dự kiến nội dung quy định cụ thể

“Điều. Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

1. Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp do doanh nghiệp lựa chọn, tự chủ, tự quyết định thành lập nhằm bảo đảm các hoạt động giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp được thường xuyên, liên tục, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

¹² Hiện nay, trong số 843 doanh nghiệp nhà nước có 484 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, 203 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, 156 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống.

¹³ UNESCO (2022), Global review of training funds, tr.30, 145: Mô hình hoàn trả phí đào tạo của Malaysia, thu 1% quỹ lương; Mô hình Skills Development Fund (SDF) của Singapore 0,25% quỹ lương hàng tháng; Thái lan: 1% quỹ lương, Hàn quốc: 0,25-0,85% quỹ lương. Các Quỹ này nằm ngoài doanh nghiệp, do Chính phủ quản lý, triển khai đào tạo, bồi dưỡng người lao động cho doanh nghiệp, doanh nghiệp đóng vào Quỹ này sẽ được Nhà nước miễn giảm thuế hoặc được Quỹ này hoàn trả cho doanh nghiệp chi phí đã đào tạo cho người lao động.

¹⁴ Năm 2024, Tập đoàn công nghiệp năng lượng Việt Nam, Tập đoàn EVN, Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản, Tập đoàn Bảo việt, Vietcombank tỷ lệ chi cho đào tạo/quỹ lương lần lượt trong khoảng 3-3,6%, 3%, 0,9%, 2%, 3%; tỷ lệ chi cho đào tạo/lợi nhuận lần lượt trong khoảng 1,5%, 6,1%, 1,2%, 1,6%, 2,5%. Theo quy chế của Tập đoàn EVN, mức chi cho đào tạo, bồi dưỡng hàng năm tối đa 3% quỹ lương.

¹⁵ Theo khảo sát một số tập đoàn, công ty Tập đoàn công nghiệp năng lượng Việt Nam, Tập đoàn EVN, Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản, Tập đoàn Bảo việt, Vietcombank

2. Đối tượng trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp: doanh nghiệp thành lập theo luật doanh nghiệp.

3. Nguồn và mức trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp:

a) Nguồn trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp¹⁶. Mức trích lập hàng năm do doanh nghiệp tự quyết định, phù hợp với nhu cầu, kế hoạch đào tạo nhân lực hàng năm của doanh nghiệp được phê duyệt. Riêng đối với doanh nghiệp nhà nước mức trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp hàng năm tối đa không quá 01% lợi nhuận sau thuế.

b) Nguồn tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

4. Nội dung chi của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp:

a) Đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động của doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động của doanh nghiệp học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thiết bị dùng để hoạt động giáo dục nghề nghiệp, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học; chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp; chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp¹⁷; chi phí cho hoạt động đánh giá kỹ năng nghề, đánh giá năng lực theo chuẩn doanh nghiệp hoặc theo tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp quốc gia¹⁸;

Các hoạt động giáo dục, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động quy định tại điểm này phải được quy định chi tiết tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế tài chính của doanh nghiệp¹⁹;

b) Tài trợ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp có hợp tác với doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Tài trợ cho các trường học công lập, dân lập và tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của pháp luật về giáo dục mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các cơ sở này; tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của trường; tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục (tài trợ trực tiếp cho học sinh, sinh viên hoặc thông qua các cơ sở giáo dục, thông qua các cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật); tài trợ cho các cuộc thi về các môn học được giảng dạy trong trường học mà đối tượng tham gia dự thi là người học; tài trợ

¹⁶ Theo quy định điểm c khoản 2 Điều 29 Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước, lợi nhuận sau thuế của DNNN được trích lập quỹ khác theo quy định pháp luật.

¹⁷ Theo điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

¹⁸ Theo đề xuất của Bộ Giáo dục và đào tạo tại văn bản số 1445/BGDĐT-GDNNGDĐT ngày 27/3/2026

¹⁹ Theo điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

để thành lập các Quỹ khuyến học giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo²⁰; tài trợ xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp²¹.

5. Việc sử dụng, quản lý Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (nếu có) phải được quy định tại điều lệ hoặc quy chế của doanh nghiệp.

6. Việc hạch toán kế toán của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật kế toán²².

Đánh giá:

* Thuận lợi:

- Phù hợp quy định Điều 25 Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Kế toán và pháp luật khác có liên quan.

- Thể chế hóa đầy đủ theo yêu cầu Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Doanh nghiệp được quyền lựa chọn việc thành lập, trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp, tôn trọng quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp;

- Tạo nguồn kinh phí dự phòng cho đào tạo bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp, đảm bảo tính ổn định, thường xuyên, lâu dài.

* Khó khăn:

- Chưa thật sự khuyến khích doanh nghiệp trích lập quỹ do: (i) Chi phí đào tạo trực tiếp đã được tính trước thuế theo Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; (ii) Chi phí đào tạo thông qua Quỹ đào tạo nhân lực không được tính vào chi phí hợp lý trước thuế. Do vậy, doanh nghiệp phải nộp thuế nhiều hơn khi có hoạt động đào tạo không đưa vào chi phí trực tiếp mà phải thông qua Quỹ.

- Việc thành lập, trích lập Quỹ sẽ phức tạp hơn trong việc quản lý, sử dụng Quỹ tại doanh nghiệp.

3.2. Vấn đề chưa được pháp luật điều chỉnh hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp; vấn đề vướng mắc, bất cập từ thực tiễn

3.2.1. Về chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp

3.2.2. Về Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

²⁰ Theo điểm 1 khoản 2 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

²¹ Theo đề xuất của Bộ Giáo dục và đào tạo tại văn bản số 1445/BGDĐT-GDNNGDĐT ngày 27/3/2026

²² Theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Thông tư số 99) và Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Thông tư số 133) về chế độ kế toán doanh nghiệp, chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, cho phép doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung phản ánh của các tài khoản kế toán; được thiết kế thêm hoặc sửa đổi, bổ sung biểu mẫu chứng từ, sổ kế toán; được bổ sung thêm các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị, doanh nghiệp.

3.2.3. Về điều khoản thi hành (Chương IV)

a) Trách nhiệm thi hành (từ Điều 8 đến Điều 12)

Dự thảo Nghị định quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã); doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, gia đình và người lao động được đào tạo.

b) Về hiệu lực thi hành (Điều 13)

Nhằm xác định rõ thời điểm có hiệu lực và phạm vi áp dụng của Nghị định, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với Luật Giáo dục nghề nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan, địa phương chủ động bố trí, cân đối nguồn lực để tổ chức thực hiện, Điều 13 dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật mới trong trường hợp các văn bản được viện dẫn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, nhằm bảo đảm tính cập nhật, thống nhất của hệ thống pháp luật trong quá trình tổ chức thực hiện.

3.3. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định quy định thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp khi gửi nhu cầu đào tạo đến Ủy ban nhân dân cấp xã và việc bồi hoàn kinh phí đào tạo. Các thông tin kê khai là nội dung cơ bản của doanh nghiệp (thông tin chung về doanh nghiệp, ngành, nghề và số lượng lao động doanh nghiệp cần đào tạo). Các nội dung khác tập trung rà soát, chuẩn hóa và đơn giản hóa quy trình quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo hướng thống nhất, minh bạch và dễ thực hiện. Cụ thể:

- Dự thảo Nghị định kế thừa và áp dụng trực tiếp các quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu, giáo dục nghề nghiệp và pháp luật hiện hành.

3.4. Nội dung phân quyền, phân cấp

Dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng tăng cường phân quyền, phân cấp gắn với trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của các cấp chính quyền.

Theo đó, Trung ương tập trung ban hành khung pháp lý, nguyên tắc quản lý, định hướng chính sách và hướng dẫn chung; quy định danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa làm căn cứ thống nhất để địa phương tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, địa phương được chủ động trong việc quy định danh mục ngành nghề được hưởng hỗ trợ phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thị trường lao động của địa phương mình.

Việc quy định rõ nội dung phân cấp trong dự thảo Nghị định góp phần khắc phục tình trạng chồng chéo trong quản lý, tăng tính chủ động cho cơ sở, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, đồng thời bảo đảm sự thống

nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện các hoạt động tư pháp người chưa thành niên trên phạm vi cả nước.

4. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Căn cứ các quy định tại Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Chuyển đổi số và các văn bản có liên quan, dự thảo Nghị định quy định việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị định với đường lối, chủ trương của Đảng, tính tương thích với các điều ước quốc tế: Dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước. Dự thảo Nghị định không có quy định trái với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Về vấn đề bình đẳng giới: Dự thảo Nghị định không quy định các nội dung tạo ra sự phân biệt về giới.

7. Về bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh: Dự thảo Nghị định quy định đối với các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh: Được áp dụng chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định riêng của Chính phủ để tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp với đặc thù về quốc phòng, an ninh.

V. NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

...

VI. NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Về điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực

Dự kiến khi Nghị định được ban hành, các Bộ, địa phương và cơ quan có liên quan sử dụng bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực hiện có để thực hiện, không làm tăng biên chế.

2. Về điều kiện bảo đảm về nguồn tài chính

a) Nghị định quy định chi tiết những nội dung về chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp đã được quy định tại Điều 32 của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Việc đánh giá tác động tổng thể đã được cơ quan chủ trì (Bộ Giáo dục và Đào tạo) báo cáo khi xây dựng Luật trình Quốc hội thông qua. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, nguồn lực tài chính để đảm bảo thi hành chính sách dự kiến như sau:

Dự thảo Nghị định chỉ quy định nguyên tắc, các quy trình thực hiện. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp được lồng ghép trong quá trình thực hiện qua các đề án, dự án, chương trình hiện hành. Vì vậy, dự thảo Nghị định không đánh giá về số liệu ngân sách nhà nước bố trí.

- Đối với Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp:

+ Với doanh nghiệp nhà nước (theo khoản 11 Điều 4 Luật Doanh nghiệp): Trường hợp tất cả các doanh nghiệp này trích lập Quỹ đào tạo nhân lực 1% lợi

nhuận sau thuế, ngân sách nhà nước sẽ giảm khoảng 1.400 tỷ đồng/năm²⁷, chiếm khoảng 0,3% tổng thu ngân sách nhà nước từ các doanh nghiệp có vốn nhà nước²⁸.

+ Với doanh nghiệp khác (doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp có vốn Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ): việc trích lập Quỹ do doanh nghiệp tự quyết, tự chịu trách nhiệm không ảnh hưởng nhiều đến ngân sách nhà nước phải bố trí để triển khai chính sách.

b) Sau khi Nghị định được ban hành, nguồn tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật ... và các văn bản liên quan.

3. Thời gian ban hành Nghị định

Bộ Tài chính đề xuất trình Chính phủ ban hành Nghị định này trong tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp. Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp;
- Vụ PC;
- Cục DNTN;
- Lưu: VT, KTN (6 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Bích Ngọc

²⁷ Theo báo cáo của Bộ Tài chính năm 2024, trong số 673/687 doanh nghiệp nhà nước báo cáo (476/484 doanh nghiệp nhà nước 100% vốn điều lệ và 197/203 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (trung bình chiếm 87% vốn điều lệ) có lợi nhuận trước thuế là 178.243 tỷ, với thuế TNDN trung bình khoảng 20% thì lợi nhuận sau thuế khoảng 142.594 tỷ.

²⁸ Năm 2024, tổng thu ngân sách nhà nước từ thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN của các doanh nghiệp nhà nước là 439,884 tỷ đồng.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Đối với các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh: Được áp dụng chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định riêng của Chính phủ để tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp với đặc thù về quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ của nhà nước về giáo dục nghề nghiệp cho doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

Chương II

VỀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

Điều 3. Khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề.

1. Doanh nghiệp được khuyến khích hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để thực hiện các hoạt động sau:

- Đào tạo người lao động tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp hoặc lao động khác có nhu cầu được đào tạo; tham gia xây dựng danh mục ngành, nghề đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo nghề nghiệp phục vụ hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ, hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng tạo tri thức và hoạt động liên quan khác.

- Tiếp nhận nhà giáo, học sinh, sinh viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến tham quan, thực hành, thực tập nâng cao kỹ năng nghề tại doanh nghiệp hoặc cập nhật, tiếp cận công nghệ mới; hỗ trợ ương tạo các ý tưởng khởi nghiệp, hỗ trợ tư vấn/cố vấn, chia sẻ kinh nghiệm cho học sinh, sinh viên về các ý tưởng khởi nghiệp; chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới theo quy định khoản 6 Điều 57 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

- Triển khai thực hiện các hoạt động phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, thị trường lao động, theo quy định tại Điều 57, Điều 58, Điều 59 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập năng lực số cơ bản cho học sinh, sinh viên, người lao động; đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao năng lực số phù hợp nhu cầu thị trường trong lĩnh vực chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

2. Doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu

1. Doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề được xét tôn vinh, khen thưởng. Doanh nghiệp hằng năm có trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp và sử dụng tối thiểu hết 70% quỹ hằng năm cho hoạt động giáo dục, đào tạo là một tiêu chí được Nhà nước xem xét tôn vinh, khen thưởng.

2. Hình thức, tiêu chí, tiêu chuẩn doanh nghiệp được tôn vinh, khen thưởng do Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quy định.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét tôn vinh, khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí đào tạo cho doanh nghiệp trong trường hợp ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa.

1. Xác định nhu cầu đào tạo và phương thức thực hiện hỗ trợ

a) Xác định nhu cầu đào tạo

- Căn cứ danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương quy định danh mục ngành nghề được hưởng hỗ trợ phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thị trường lao động của địa phương mình.

- Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, doanh nghiệp lập danh sách người lao động đã ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp, giấy thông báo trúng tuyển của cơ sở dự kiến đào tạo

kèm nhu cầu ngành nghề đào tạo gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát và tổng hợp nhu cầu, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp và danh mục ngành nghề được hưởng hỗ trợ của địa phương và tình hình phát triển kinh tế xã hội hàng năm của địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chỉ tiêu hỗ trợ cho từng doanh nghiệp.

b) Nội dung và quy trình thực hiện hỗ trợ

Người lao động được giảm 70% học phí và được ngân sách nhà nước cấp bù tiền giảm học phí theo mức học phí của các ngành, nghề, trình độ đào tạo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn, giảm học phí thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

c) Trường hợp không tìm được cơ sở đào tạo phù hợp với ngành nghề có nhu cầu, doanh nghiệp tổng hợp nhu cầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định này (không bao gồm thông báo trúng tuyển). Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tổ chức đào tạo theo nhu cầu của địa phương theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

2. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí

a) Lập dự toán

- Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ đào tạo cho doanh nghiệp trong trường hợp ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa được thực hiện theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

- Đối với kinh phí đào tạo: Căn cứ vào định mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; hằng năm, Sở Giáo dục và

Đào tạo lập dự toán kinh phí đào tạo cùng thời điểm lập dự toán ngân sách và tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí để hỗ trợ kinh phí đào tạo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Đối với các chi phí còn lại (tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền đi lại) trong thời gian người lao động tham gia đào tạo do doanh nghiệp và người học chi trả.

b) Nguồn kinh phí

Kinh phí hỗ trợ đào tạo được bố trí từ ngân sách địa phương, kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các nguồn huy động, tài trợ hợp pháp khác. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương đảm bảo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

c) Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Các quy định khác về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu chưa được quy định cụ thể tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

4. Người lao động đã được đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Giáo dục nghề nghiệp chỉ được hỗ trợ một lần theo quy định tại Nghị định này và không được hưởng các chính sách hỗ trợ khác về giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

Điều 6. Bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo

1. Về đối tượng bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo

a) Đối tượng phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo, gồm:

- Người lao động đã được hưởng chính sách không làm việc cho doanh nghiệp sau 02 năm kể từ ngày có văn bản công nhận hoàn thành khóa học.

- Người lao động đã được hưởng chính sách và làm việc cho doanh nghiệp nhưng không đủ thời gian làm việc tối thiểu gấp hai lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng.

- Người lao động được hưởng chính sách đang trong thời gian đào tạo nhưng chuyển sang ngành, nghề đào tạo khác, tự thôi học, không hoàn thành chương trình đào tạo hoặc bị kỷ luật buộc thôi học.

b) Đối tượng không phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo gồm:

- Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày có văn bản công nhận hoàn thành khóa học, người lao động làm việc cho doanh nghiệp và có thời gian làm việc tối thiểu gấp 2 lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng.

- Người lao động sau khi hoàn thành khóa học quay trở về doanh nghiệp và tiếp tục được doanh nghiệp cử đi đào tạo trình độ cao hơn và tiếp tục làm việc cho doanh nghiệp tối thiểu gấp 2 lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng.

c) Người lao động dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban (không quá một lần) hoặc dừng học vì lý do khác không do kỷ luật hoặc tự thôi học, được cơ sở đào tạo xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định, thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo quy định tại Nghị định này nhưng thời gian hưởng không vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo.

2. Chi phí bồi hoàn và cách tính chi phí bồi hoàn

a) Chi phí bồi hoàn là kinh phí hỗ trợ đào tạo đã được ngân sách địa phương hỗ trợ cho người học.

b) Người lao động thuộc đối tượng quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ ba điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định này phải bồi hoàn toàn bộ kinh phí đã được ngân sách địa phương hỗ trợ.

c) Người lao động thuộc đối tượng quy định tại gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định này phải bồi hoàn một phần kinh phí đã được ngân sách địa phương hỗ trợ.

Cách tính chi phí bồi hoàn theo công thức sau:

$$S = (F / T1) \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

- S là chi phí bồi hoàn;
- F là kinh phí hỗ trợ đào tạo đã được ngân sách địa phương hỗ trợ;
- T1 là tổng thời gian làm việc cho doanh nghiệp theo quy định tính bằng số tháng làm tròn;
- T2 là thời gian đã làm việc cho doanh nghiệp được tính bằng số tháng làm tròn.

3. Thu hồi chi phí bồi hoàn

- Hằng năm, căn cứ vào kết quả rèn luyện, học tập của người học, cơ sở đào tạo thông báo danh sách người học thuộc đối tượng quy định tại gạch đầu dòng thứ ba điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định này cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo để thông báo thu hồi kinh phí đã hỗ trợ cho người học theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

- Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, hướng dẫn, ra thông báo thu hồi kinh phí hỗ trợ để người học thực hiện nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền, người học thuộc đối tượng bồi hoàn kinh phí phải có trách nhiệm liên hệ với cơ quan ra thông báo thu hồi kinh phí bồi hoàn để làm thủ tục bồi hoàn kinh phí hỗ trợ. Thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tối đa là 4 năm, kể từ khi người học nhận được thông báo bồi hoàn kinh phí. Trong thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn kinh phí, người học nộp tiền bồi hoàn cho cơ sở đào tạo hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Trường hợp người học chậm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn quá thời hạn quy định thì phải chịu lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với khoản tiền chậm bồi hoàn. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn thì phải chịu lãi suất áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn.

4. Người lao động phải bồi hoàn kinh phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định này, nếu thuộc đối tượng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên hoặc từ trần sẽ được xóa kinh phí bồi hoàn; nếu thuộc đối tượng hưởng chính sách miễn hoặc giảm học phí theo quy định của Chính phủ sẽ được miễn hoặc giảm mức bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí tương ứng. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của người học, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi sinh viên thường trú quyết định miễn, giảm hoặc xóa kinh phí bồi hoàn cho người học thuộc đối tượng chính sách.

5. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được tiền bồi hoàn kinh phí của người học, cơ sở đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nộp trả kinh phí vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

6. Người học không thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn thì cơ quan có thẩm quyền theo dõi, hướng dẫn, ra thông báo thu hồi kinh phí có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định pháp luật.

Chương III

VỀ QUỸ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 7. Về Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

1. Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp do doanh nghiệp lựa chọn, tự chủ, tự quyết định thành lập nhằm bảo đảm các hoạt động giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp được thường xuyên, liên tục, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Đối tượng trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp: doanh nghiệp thành lập theo luật doanh nghiệp.

3. Nguồn và mức trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp:

a) Nguồn trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp. Mức trích lập hàng năm do doanh nghiệp tự quyết định, phù hợp với nhu cầu, kế hoạch đào tạo nhân lực hàng năm của doanh nghiệp được phê duyệt. Riêng đối với doanh nghiệp nhà nước mức trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp hàng năm tối đa không quá 01% lợi nhuận sau thuế.

b) Nguồn tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

4. Nội dung chi của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp:

a) Đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động của doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động của doanh nghiệp học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thiết bị dùng để hoạt động giáo dục

nghề nghiệp, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học; chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp; chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp; chi phí cho hoạt động đánh giá kỹ năng nghề, đánh giá năng lực theo chuẩn doanh nghiệp hoặc theo tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp quốc gia;

Các hoạt động giáo dục, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động quy định tại điểm này phải được quy định chi tiết tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế tài chính của doanh nghiệp;

b) Tài trợ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp có hợp tác với doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Tài trợ cho các trường học công lập, dân lập và tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của pháp luật về giáo dục mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các cơ sở này; tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của trường; tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục (tài trợ trực tiếp cho học sinh, sinh viên hoặc thông qua các cơ sở giáo dục, thông qua các cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật); tài trợ cho các cuộc thi về các môn học được giảng dạy trong trường học mà đối tượng tham gia dự thi là người học; tài trợ để thành lập các Quỹ khuyến học giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo; tài trợ xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp.

5. Việc sử dụng, quản lý Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (nếu có) phải được quy định tại điều lệ hoặc quy chế của doanh nghiệp.

6. Việc hạch toán kế toán của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật kế toán.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

b) Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị định này đối với các cơ sở đào tạo theo quy định;

2. Các bộ, ngành liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân

1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Quy định danh mục ngành nghề được hưởng hỗ trợ phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thị trường lao động của địa phương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định này bảo đảm thực hiện tiết kiệm, hiệu quả chính sách.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo theo quy định tại địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện định kỳ hằng năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì rà soát và tổng hợp nhu cầu đào tạo của các doanh nghiệp gửi Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đối với quy định liên quan đến bồi hoàn kinh phí đào tạo tại Điều 6 Nghị định này theo Mẫu số 02 và Mẫu số 03.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Căn cứ chỉ tiêu đào tạo được thông báo, thực hiện đào tạo người lao động theo đúng quy định hiện hành.

2. Bảo đảm chất lượng đào tạo và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về chất lượng đào tạo do đơn vị thực hiện.

Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Đề xuất nhu cầu tuyển dụng lao động đối với các ngành, nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, ưu tiên lao động là người yếu thế.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở đào tạo để thực hiện các quy định liên quan đến bồi hoàn kinh phí đào tạo tại Điều 6 Nghị định này.

Điều 12. Trách nhiệm của gia đình và người lao động được đào tạo

1. Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hoàn thành chương trình đào tạo theo ngành được cử đi học.

2. Sau khi có văn bản xác nhận hoàn thành khóa đào tạo, định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm của năm tiếp theo cho đến năm đủ thời gian không phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn kinh phí hỗ trợ quy định tại Điều 6 Nghị định này, báo cáo tình hình việc làm của bản thân theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này tới Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan theo dõi, hướng dẫn, ra thông báo thu hồi kinh phí) nơi người học thường trú hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo để thông báo xóa hoặc thu hồi khoản kinh phí hỗ trợ.

3. Người lao động thuộc đối tượng quy định tại Điều 6 Nghị định này, người học có trách nhiệm nộp trả kinh phí đã được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này tới cơ sở đào tạo hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo để nộp trả ngân sách địa phương qua hệ thống Kho bạc nhà nước.

4. Người lao động thuộc đối tượng phải bồi hoàn kinh phí có trách nhiệm gửi bản sao chứng từ nộp tiền bồi hoàn kinh phí đến cơ quan có thẩm quyền ra thông báo thu hồi kinh phí bồi hoàn để theo dõi, báo cáo và xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: Bộ trưởng CN, các Phó CN, Trợ lý TTg, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (...).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

**PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU**

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Báo cáo nhu cầu đào tạo người lao động
Mẫu số 02	Thông báo người học nộp tiền bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo
Mẫu số 03	Báo cáo thực hiện hỗ trợ kinh phí đào tạo và kinh phí bồi hoàn của người học
Mẫu số 04	Giấy xác nhận thời gian làm việc tại doanh nghiệp

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU BIỂU ĐĂNG KÝ NHU CẦU ĐÀO TẠO NĂM

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân cấp Xã (1)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ, điện thoại, fax, email, website:
- Mã số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động, ngành, nghề kinh doanh:

2. Thông tin tình hình sử dụng lao động và nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp:

I. SỐ LIỆU VỊ TRÍ VIỆC LÀM, LAO ĐỘNG HIỆN CÓ											
<i>STT</i>	<i>Vị trí việc làm (2)</i>					<i>Lao động đang làm việc tại doanh nghiệp (3)</i>					<i>Ghi chú</i>
	<i>Tổng</i>	<i>Nhà quản lý</i>	<i>Chuyên môn kỹ thuật bậc cao</i>	<i>Chuyên môn kỹ thuật bậc trung</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng</i>	<i>Nhà quản lý</i>	<i>Chuyên môn kỹ thuật bậc cao</i>	<i>Chuyên môn kỹ thuật bậc trung</i>	<i>Khác</i>	
1											
2											
II. SỐ LIỆU VỀ NHU CẦU ĐÀO TẠO (4)											
<i>STT</i>	<i>Chương trình/trình độ đào tạo (5)</i>					<i>Tổng</i>					<i>Ghi chú</i>
1	Trình độ cao đẳng										
	Ngành nghề										
	<i>(Chi tiết theo ngành nghề đào tạo theo quy định (6))</i>										
2	Trình độ trung cấp										
	Ngành nghề										
	<i>(Chi tiết theo ngành nghề đào tạo theo quy định)</i>										

II. SỐ LIỆU VỀ NHU CẦU ĐÀO TẠO			
STT	Chương trình/trình độ đào tạo	Tổng	Ghi chú
3	Trình độ sơ cấp		
	Ngành nghề		
	<i>(Chi tiết theo ngành nghề đào tạo theo quy định)</i>		
4	Chương trung học nghề khác		
	Ngành nghề		
	<i>(Chi tiết theo ngành nghề đào tạo theo quy định)</i>		
5	Chương trình đào tạo nghề khác		
	Ngành nghề		
	<i>(Chi tiết theo ngành nghề đào tạo theo quy định)</i>		

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

(1) Căn cứ tại Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 quy định về đơn vị hành chính như sau: 1. Đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: a) Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); b) Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp Xã.

(2) Vị trí việc làm phân loại theo: 1, Nhà quản lý, Nhóm này bao gồm những nhà lãnh đạo, quản lý làm việc trong doanh nghiệp có quyền quản lý, chỉ huy, điều hành; 2, Chuyên môn kỹ thuật bậc cao: Đại học trở lên trong các lĩnh vực; 3, Chuyên môn kỹ thuật bậc trung: Trình độ bậc trung (cao đẳng, trung cấp) về các lĩnh vực. (Nhu quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 73 Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý, đầu tư hạ tầng, thành lập và phát triển các loại hình khu công nghiệp và khu kinh tế tại Việt Nam).

(3) Lao động đã tuyển dụng, ký hợp đồng, đã được đào tạo.

(4) Lao động đã tuyển dụng, chưa được đào tạo.

(5) Theo chương trình GDNN quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật GDNN số 124/2025/QH15.

(6) Ngành nghề ưu tiên, khó xã hội hóa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...

Số: ... /BC-UBND

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

V/v báo cáo thực hiện hỗ trợ
kinh phí đào tạo

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân xã ... gửi tới Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo thực hiện hỗ trợ kinh phí đào tạo như sau:

1. Tình hình thực hiện hỗ trợ kinh phí đào tạo

- Số lượng người học được hưởng chính sách hỗ trợ:

Trong đó: báo cáo cụ thể số lượng người học tuyển mới, số lượng người học đang đào tạo.

- Tổng kinh phí hỗ trợ kinh phí đào tạo (đơn vị triệu đồng):

2. Kinh phí bồi hoàn của người học

TT	Tên người học được nhận hỗ trợ	Địa chỉ thường trú	Cơ sở đào tạo chi trả kinh phí	Số tiền phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ	Lý do phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ	Bản sao chứng từ nộp tiền
----	--------------------------------	--------------------	--------------------------------	---------------------------------------	-------------------------------------	---------------------------

Ghi chú: Tại cột “Bản sao chứng từ nộp tiền” nếu người học đã nộp Bản sao chứng từ nộp tiền bồi hoàn kinh phí theo quy định tại Điều 6 Nghị định số ... ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp thì ghi “đã nộp”, nếu chưa nộp thì ghi “chưa nộp”.

Nơi nhận:

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

-

.....;

-

.....;

- Lưu: VT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THỜI GIAN LÀM VIỆC TẠI DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ, điện thoại, fax, email, website:
- Mã số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động, ngành, nghề kinh doanh:

2. Xác nhận

Ông/Bà:.....

Số chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân: ngày cấp:
.....nơi cấp:

Ngày tuyên dụng: tại Quyết định số: ngày
..... về việc
đã công tác tại doanh nghiệp là năm tháng./.

....., ngày tháng.... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)